

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-PT.

Ngày 11/4/2023.

V/v : “Ly hôn, tranh chấp về con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông.

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Bảo

Bà Hoàng Thị Hải Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 11/04/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2022/TLPT- HNGĐ ngày 07/11/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về con chung”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2022/QĐ-PT ngày 01/12/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** anh Bùi Thế T, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:** chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1976 (có mặt);

Nơi ĐKKHTT: thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ở: thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***Người kháng cáo:** Bị đơn chị Nguyễn Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Thế T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị K kết hôn ngày 18/7/1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị K có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị K về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2016, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, làm ăn, sinh hoạt, nên xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh xin ly hôn với chị K.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Bùi Thị Bích L, sinh ngày 30/5/1998 và Bùi Thế Đức H, sinh ngày 26/8/2008. Hiện cháu Lệ đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Hiếu đang do chị K nuôi dưỡng, nay anh đồng ý để chị K trực tiếp nuôi dưỡng con Hiếu, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng /tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2022 và những lời khai tiếp theo, bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị nhất trí với trình bày của anh T về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm ly thân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình hòa giải động viên nhưng không thành. Ngày 08/10/2018, anh T đuổi chị ra khỏi nhà, nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên chị nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Thị Bích L, sinh ngày 30/5/1998 và Bùi Thế Đức H, sinh ngày 26/8/2008. Hiện cháu Lệ đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Hiếu đang do chị nuôi dưỡng, nay chị nhận nuôi con Hiếu và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hiếu với mức 3.000.000 đồng /tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con Hiếu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có tạo lập được tài sản là diện tích đất 72 m², địa chỉ tại thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang, 01

xe ô tô Camry 2.4G biếm kiểm soát 98A-14535, chị đề nghị giải quyết, nếu vợ chồng thỏa thuận được về tài sản thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Từ nội dung trên, bản án số 51/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã xét xử, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Thế T được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2.Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi con Bùi Thế Đức H, sinh ngày 26/8/2008. Anh Bùi Thế T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung hàng tháng, với mức 1.800.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thăm nom con chung, về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 30/9/2022 bị đơn là chị Nguyễn Thị K nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm 51/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét lại vụ án và hủy bản án nêu trên.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị K trình bày chị vẫn giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo của chị và đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên và đề nghị Tòa án huyện Tân Yên giải quyết lại vụ án trên.

Anh T vắng mặt nhưng anh có ý kiến giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ

luật Tố tụng dân sự xử án sơ thẩm. Do chị K là hộ nghèo nên miễn án phí phúc thẩm cho chị K

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Tại phiên tòa vắng mặt anh T tuy nhiên anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh và anh trình bày anh không nhất trí về việc kháng cáo của chị K và anh đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm Hội đồng xét xử căn cứ vào điều xét xử vắng mặt anh T.

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy:

Chị K cho rằng Thẩm phán không giải thích về việc trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 6 Điều 48 BLDS. Hội đồng xét xử thấy. Tại biên bản giải thích ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên (BL 35) chị K đã được giải thích và ký nhận vào biên bản làm việc.

Việc chị K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của chị về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị Hội đồng xét xử thấy trong các biên bản làm việc và phiên họp kiểm tra tiếp cận giao nộp chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản yêu cầu chị K giao nộp tài liệu, tuy nhiên chị K không nộp và các biên bản làm việc chị K đều có ý kiến đề vợ chồng tự giải quyết tài sản cụ thể: Tại biên bản làm việc ngày 01/8/2022 Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu chị nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh tài sản chị K cũng không nộp.

Đối với việc chị K cho rằng chị chưa được nhận quyết định của Tòa án Tân Yên Hội đồng xét xử thấy sau khi chị K có đơn khiếu nại. Chánh án TAND huyện Tân Yên đã có Quyết định trả lời khiếu nại số: 04 ngày 31/8/2022 giải quyết các yêu cầu của chị.

Từ những phân tích ở trên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị K nêu tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 308-Bộ luật tố tụng dân sự xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đối với ý kiến của chị K cho rằng chị đã có đơn khiếu nại lên Chánh án TAND tỉnh Bắc Giang đề nghị Chánh án TAND tỉnh Bắc Giang trả lời khiếu nại theo như đơn trình bày của chị tại Quyết định số: 05 ngày 02/3/2022 Chánh án TAND tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định trả lời khiếu nại đối với đề nghị của chị K.

Đối với ý kiến của chị K có ý kiến chị thuộc diện hộ nghèo, do vậy chị đề nghị được mời trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Chị. Tuy

nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị K có ý kiến chị tự bảo vệ quyền lợi của chị và chị không yêu cầu mời trợ giúp viên pháp lý do vậy HĐXX không xem xét.

[2]. Về chi phí tố tụng: Chị K thuộc diện hộ nghèo nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, Điều 308- Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị K. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 51/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của TAND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Thế T được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi con Bùi Thế Đức H, sinh ngày 26/8/2008. Anh Bùi Thế T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung hàng tháng, với mức 1.800.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chi phí tố tụng: Hoàn trả chị K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011814 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông

- TAND huyện Tân Yên;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cao Xá, Tân Yên
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.